

A. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Tên tổ chức niêm yết:

Tên tiếng Anh:

Tên viết tắt:

Mã chứng khoán:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Website:

Vốn điều lệ:

Ngành nghề kinh doanh:

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN

HATIEN TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY

VẬN TẢI HÀ TIÊN

HTV

296 Trần Nãi, P. Bình An, Quận 2, TP. HCM

08. 3.740.4061 – Fax: 08. 3740.4062

info@vantaihatien.com.vn

www.vantaihatien.com.vn

131.040.000.000 VND

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động.
- Số 4103000047 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2000 - Số 0301975289 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 01 năm 2019.

Giấy CNĐKKD:

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:

1. Những sự kiện quan trọng:

1.1 Việc thành lập:

Công ty CP Vận tải Hà Tiên tiền thân là Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1.

1.2 Chuyển đổi sở hữu:

Theo quyết định số 24/2000/QĐ – TTg ngày 21/01/2000 của Thủ Tướng Chính phủ, Xí nghiệp Vận tải chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được đổi tên thành Công ty CP Vận tải Hà Tiên trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

- Vào ngày 07/04/2000, Đại hội cổ đông thành lập của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên được tiến hành, đã thông qua “ Điều lệ tổ chức và hoạt động” của Công ty, bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Vào ngày 24/04/2000, Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000047.

- Cấp thay đổi lần thứ nhất vào ngày 01 tháng 06 năm 2007 cho Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên, với chức năng hoạt động chính của Công ty: kinh doanh vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.
- Cấp thay đổi lần hai vào ngày 15 tháng 04 năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 48 tỷ đồng lên 100,8 tỷ đồng.
- Cấp thay đổi lần năm vào ngày 28 tháng 08 năm 2013, với chức năng hoạt động chính của Công ty: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; cung ứng và quản lý nguồn lao động.
- Cấp thay đổi lần sáu vào ngày 01/12/2015, tăng vốn điều lệ từ 100.800.000.000 đồng lên 131.040.000.000 đồng.

1.3 Niêm yết:

Theo Quyết định số 41/UBCK–GPNY ngày 07/12/2005, Ủy Ban chứng Khoán Nhà Nước đã quyết định chính thức cấp phép niêm yết cho Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên. Và sau đó, theo Thông báo số 791/TTGDHCM–NY ngày 27/12/2005 của Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM, ngày 05/01/2006 Công ty chính thức giao dịch 4.800.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM, với mã chứng khoán HTV.

- Theo Quyết định số 194/UBCK–GCN ngày 15/10/2007 của UBCKNN chấp thuận cho Công ty được chào bán thêm 5.280.000 cổ phiếu ra công chúng.
- Ngày 11/01/2008 Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM đã ra thông báo số 34/TB-SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 5.280.000 cổ phiếu phát hành thêm.
- Ngày 14/9/2015 UBCKNN có thông báo chấp thuận cho Công ty được phát hành 3.024.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Ngày 05/11/2015 Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM có thông báo số 1086/TB-SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 3.024.000 cổ phần phát hành.

2. Quá trình phát triển:

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ngày một khẳng định là một trong những công ty vận tải thủy lớn nhất khu vực phía Nam. Mặt hàng vận chuyển chủ yếu của Công ty là: clinker, thạch cao, đá phụ gia, than đá... cho các khách hàng lớn như Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1, Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam), ... Ngoài ra, Công ty còn tham gia vận chuyển cho một số khách hàng khác trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

3. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2020:

Năm 2020 là năm đầy bất ổn với kinh tế thế giới khi ngay từ đầu năm đã xảy ra đại dịch toàn cầu do virus corona gây ra, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung có thể sẽ leo thang, một số nước trong khu vực đồng tiền chung Châu Âu vẫn tiếp tục lún sâu vào khủng hoảng, hầu hết các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản ... đều phải đối mặt với nguy cơ suy giảm tăng trưởng.

Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, cùng với mục tiêu kiềm chế lạm phát trong nước.

- Trước những khó khăn trên, năm 2020 nhằm duy trì ổn định công ăn việc làm cho CBCNV, các thuyền viên, thủy thủ. Ban Tổng Giám đốc Công ty ổn định các tuyến hoạt động truyền thống, tăng cường tiết kiệm chi phí, sử dụng nhiên liệu hiệu quả, rà soát công tác bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa hợp lý và tiết kiệm.
- Tiếp tục củng cố và giữ quan hệ bền vững với khách hàng truyền thống, không ngừng tìm kiếm khách hàng mới về vận chuyển hàng hoá khác.
- Ngoài ra, để khai thác triệt để các tuyến đường thủy một cách có hiệu quả, Công ty vẫn đang tiếp tục tái cấu trúc phương tiện, thanh lý những sà lan cũ, không phù hợp và đầu tư đóng mới một số sà lan có tải trọng lớn phục vụ những tuyến vận chuyển có cung đường dài hay thuê sà lan từ những đơn vị trong cùng Tổng Công ty để tăng năng lực vận chuyển.
- Trong năm 2020, Công ty CP Vận Tải Hà Tiên đã xây dựng kế hoạch vận chuyển 6.180.260 Tấn/năm, tăng 212.546 tấn so với năm 2019.
- Về công tác điều hành quản lý phương tiện, Công ty đã tăng cường công tác điều độ, điều tiết phương tiện để hạn chế mức tối thiểu việc thuê ngoài vận chuyển. Chi thuê ngoài trong các trường hợp đặc biệt do yêu cầu khẩn cấp về thời gian bốc hàng, giải phóng phương tiện cũng như các móm nước không phù hợp với phương tiện vận hành của Công ty.
- Định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó là việc đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có, để có thể đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Áp dụng chính sách khoán tiền lương và chế độ khen thưởng thích hợp đối với người lao động, nhằm nâng cao khả năng sử dụng tối đa công suất phương tiện hiện có của Công ty.
- Dự báo trong năm 2020 Công ty sẽ khai thác triệt để công suất vận chuyển và nguồn nhân lực của Công ty để hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1 Những nét nổi bật năm 2019:

- Triển khai thực hiện tốt nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.
- Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ năm 2019 đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua, Hội đồng Quản trị thường xuyên kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có những chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2019.
- Định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó không ngừng tự đào tạo, đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có, để có thể đảm nhận những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Ngoài năng suất, chất lượng hiệu quả, vấn đề tiết kiệm giảm chi phí, giảm thời gian chạy tàu cho từng tuyến vận chuyển luôn được Hội đồng Quản trị quan tâm, đây là yếu tố chính giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh của Vận tải Hà Tiên.
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định pháp luật hiện hành, đặc biệt dùng chế độ đãi ngộ người lao động có tâm huyết với Công ty.

2 Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019:

Năm 2019 tiếp tục bị ảnh hưởng bởi kinh tế thế giới, tình hình lạm phát trong nước vẫn còn cao. Giá nhiên liệu luôn biến động làm ảnh hưởng tới giá thành vận chuyển. Mức tăng trưởng ngành vật liệu xây dựng không như kỳ vọng. Trong bối cảnh chung đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các giải pháp sau:

► Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện nghiêm túc và triệt để quan điểm HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, với tiêu chí: tiết kiệm chi phí, đảm bảo tốt vòng quay phương tiện, tăng doanh thu và đảm bảo đời sống CB-CNV.

► Tăng cường quan hệ chặt chẽ với khách hàng truyền thống như: Công ty CP Vicem Hà Tiên 1, Xi măng Insee...đảm bảo giữ uy tín, chất lượng dịch vụ và tiến độ. Luôn khẳng định thương hiệu Vận tải Hà Tiên, xây dựng niềm tin đối với khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.

► Bám sát, nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường, đối thủ cạnh tranh để đưa ra giải pháp tối ưu nhất.

► Trong năm 2019, Công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2019	TH NĂM 2019	TỶ LỆ TH/KH (%)
1	Doanh thu thuần	Đồng	218.016.956.092	271.910.968.529	124,72%
2	LN từ hoạt động kinh doanh	Đồng	31.574.589.289	26.302.964.988	83,30%
3	LN từ hoạt động khác (bao gồm cả LN từ hoạt động tài chính)	Đồng	4.456.370.411	9.895.752.229	222,06%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	36.030.959.700	36.198.717.217	100,47%
5	Thuế TNDN hiện hành	Đồng	6.938.495.940	7.318.626.326	105,48%
6	Thuế TNDN hoãn lại	Đồng	-	-	-
7	Tổng lợi nhuận sau thuế	Đồng	29.092.463.760	28.880.090.891	99,27%
8	Chi trả cổ tức	%	15%	12%	80,00%

+ Trong điều kiện thị trường cạnh tranh, nhất là về giá vận chuyển từ khối tư nhân. Đây là thách thức và áp lực thường xuyên mà Công ty phải đối mặt.

+ Về việc chi trả cổ tức năm 2019, Công ty đang chờ xin ý kiến biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với mức dự kiến 12%.

3 Định hướng nhiệm vụ năm 2020:

Năm 2020 là năm được dự báo là môi trường kinh tế thế giới có nhiều bất ổn hơn năm 2019, trong khi kinh tế trong nước vẫn đang tồn tại những vấn đề có tính cơ cấu dài hạn.

GDP trong nước dự kiến tăng trưởng 7.02% trong 2019, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng khoảng 8.90%.

Theo dự báo giá dầu thô trong năm 2020 sẽ biến động khó lường, phụ thuộc vào cân bằng cung – cầu trên thị trường dầu mỏ và xu hướng biến động giá trong năm không rõ rệt. Đây là một trong những bất lợi chính đối với vận tải thủy nội địa phía Nam bên cạnh sự cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị vận tải khi nguồn hàng vận chuyển dự kiến tăng không đáng kể.

Trước những khó khăn trên, nhằm tiếp tục phát triển, duy trì ổn định công ăn việc làm cho người lao động, mục tiêu của Công ty là:

- Ổn định các tuyến hoạt động truyền thống, tăng cường tiết kiệm chi phí, sử dụng nhiên liệu hiệu quả, quản lý công tác duy tu, sửa chữa hợp lý và tiết kiệm.
- Tiếp tục củng cố và giữ quan hệ bền vững với khách hàng truyền thống, không ngừng tìm kiếm khách hàng mới.
- Để khai thác các phương tiện hiệu quả, Công ty vẫn đang tiếp tục tái cấu trúc phương tiện, đưa các sà lan có tải trọng, mớn nước phù hợp nhất với tuyến đường vận chuyển.
- Về công tác điều hành quản lý phương tiện, công ty đã tăng cường công tác điều độ, điều tiết phương tiện để hạn chế mức tối thiểu việc thuê ngoài vận chuyển. Chi thuê ngoài trong các trường hợp cần thiết: đẩy nhanh tiến độ giải phóng tàu theo yêu cầu của khách hàng, mở rộng thị trường khi phương tiện công ty không đáp ứng yêu cầu...
- Định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó là việc đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có để có thể đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Áp dụng chính sách khoán tiền lương và chế độ khen thưởng thích hợp đối với người lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc.
- Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt hoạt động SXKD của Công ty sát với tình hình thực tế và đạt hiệu quả cao nhất.

Dù nhiệm vụ trước mắt còn nhiều khó khăn, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể người lao động trong Công ty quyết tâm thực hiện thành công kế hoạch năm 2020 với mục tiêu dự kiến như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2019	KẾ HOẠCH NĂM 2020	TỶ LỆ% SO VỚI TH NĂM 2019
1	Sản lượng	Tấn	5.967.714	6.180.260	103,60%
2	Doanh thu thuần	Đồng	271.910.968.529	311.056.648.600	114,40%
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	36.198.717.217	36.229.103.044	100,00%
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	28.880.090.891	28.612.225.787	99,07%

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1 Báo cáo tình hình tài chính:

Kết quả tài chính năm 2019 của Công ty được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2019
1	Vốn điều lệ	Đồng	131.040.000.000	131.040.000.000
2	Sản lượng	Tấn	5.217.055	5.967.714
3	Tổng doanh thu	Đồng	229.772.082.818	281.036.050.866
4	Giá vốn hàng bán	Đồng	175.116.382.669	225.369.944.913
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	35.594.265.608	36.198.717.217
6	Thuế TNDN hiện hành	Đồng	7.098.754.617	7.318.626.326
7	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	28.495.510.991	28.880.090.891
8	LN trước thuế / DT thuần	%	16,14	13,31
9	LN trước thuế / vốn chủ sở hữu	%	10,76	10,82
10	LN trước thuế / tổng tài sản	%	9,07	8,50
11	Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	%	62,58	70,50
12	Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	%	37,42	29,50
13	Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	%	15,73	21,44
14	Vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	%	84,27	78,56
15	Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu	%	18,66	27,30
16	Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	lần	3,96	3,28

Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty năm 2019 so với năm 2018:

- Sản lượng đạt 5.967.714 tấn đạt 114.39 % , tăng 14.39% so với năm 2018.
- Tổng doanh thu đạt 281.036.050.866 đồng tương ứng tăng 22.31 % so với năm 2018.
- Công ty đã và đang làm tốt công tác tiếp thị tìm kiếm nguồn hàng mới, duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống.
- Tăng cường công tác quản lý, điều động phương tiện, giám sát chặt chẽ việc giao nhận hàng hóa.
- Nâng cao chất lượng công tác sửa chữa phương tiện với thời gian nhanh nhất có thể.

Nhìn chung, năm 2019 mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đã luôn bám sát, có nhiều nỗ lực trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để bảo đảm ổn định thu nhập cho người lao động, từng bước kiện toàn bộ máy hoạt động SXKD của công ty.

2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, giá dầu DO có xu hướng tăng cao trong khi sự cạnh tranh trong lĩnh vực vận tải thủy nội địa khu vực phía Nam ngày càng gay gắt, nguồn hàng chính từ Xi măng Hà Tiên 1 ngày càng ít đi so với các năm trước, kế hoạch 2020 đặt ra các mục tiêu chủ yếu như sau:

- Sản lượng	:	6.180.260 tấn
- Tổng doanh thu	:	317.515.920.976 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	36.229.103.044 đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	28.612.225.787 đồng

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc năm tài chính, và sau khi đã được kiểm toán. Công ty đã lập các báo cáo tài chính theo đúng các biểu mẫu quy định của Bộ Tài Chính, và theo đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành:

Bảng cân đối kế toán ngày 31.12.2019.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2019.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2019.

(Đính kèm các báo cáo tài chính của năm 2019 nêu trên)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty: Tổng Công ty Xi Măng Việt Nam nắm giữ 65.623.610.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50.08% / vốn điều lệ Công ty.

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức: HTV góp vốn 65%, tương đương 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng chẵn).

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm:

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng Quản trị & Ban kiểm soát
- + Ban Tổng Giám đốc

° Đại hội cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

◦ **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ như sau:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát & HĐQT.
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT.
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và thông qua việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
- Quyết định tăng giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán tài sản không còn sử dụng.
- Các vấn đề khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty CP Vận tải Hà Tiên.

◦ **Hội đồng Quản trị** gồm các thành viên, trong đó có 1 thành viên là Tổng Giám đốc Công ty, HĐQT là đơn vị quản lý cao nhất Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. HĐQT hoạch định chiến lược chung, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng. Hiện nay HĐQT có 4 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Hàng quý HĐQT tổ chức họp để rà soát các chỉ tiêu thực hiện trong quý vừa qua và đưa ra phương hướng hành động quý tiếp theo.

Trong năm 2019, các thành viên đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 và 04 cuộc họp HĐQT định kỳ để trực tiếp, kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động và đưa ra chỉ đạo kịp thời. Vì đa phần các thành viên trong HĐQT là thành viên không trực tiếp điều hành Công ty, nên các công việc cần trao đổi và xin ý kiến các thành viên trong HĐQT, Chủ tịch HĐQT quyết định lập các Nghị quyết luân chuyển, lần lượt chuyển cho các thành viên trong HĐQT xem và có ý kiến trong bản NQ luân chuyển này. Các nghị quyết và quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT và trên cơ sở vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty.

◦ **Ban Kiểm soát** gồm 03 thành viên cũng không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Là bộ phận tham gia những ý kiến cụ thể cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện nay Công ty đã có trường ban kiểm soát chuyên trách.

Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực về mức độ cần trọng trong quản lý điều hành hoạt động SXKD, trong công tác tổ chức kế toán thống kê và lập Báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo công tác quản lý của HĐQT.
- Trình bày báo cáo hoạt động của Công ty trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- Các vấn đề khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty CP Vận tải Hà Tiên.

- Nơi đáng tin cậy trong việc quản lý vốn cho các cổ đông.
- **Tổng Giám đốc** là người là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty.
- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các hợp đồng khác phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm.
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu SXKD của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp cho người lao động trong Công ty.
- Là người chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của UBCK Nhà nước.
- Căn cứ Giấy phép Đăng ký Kinh doanh, Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật
- **Phó Tổng Giám đốc** là những người phụ giúp Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được giao.
- **Kế toán trưởng** là người tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính – thống kê - kế toán của đơn vị, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tính thực hiện các chế độ quản lý tài chính của Công ty

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty:

Tóm tắt lý lịch các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc

1/. Ô. ĐỖ VĂN HUÂN, Tổng giám đốc, kể từ ngày 04/01/2019.

Sinh ngày: 08/04/1981

Địa chỉ: 1/2/28 Đường D3, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vận tải biển – Thạc sĩ tổ chức quản lý vận tải

2 / Ô. HOÀNG VIỆT, Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 25.01.1961

Địa chỉ: 20 Chiêu Anh Các, Phường 5, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế.

3/ B. TRẦN THỊ LÝ, Kế toán trưởng

Sinh ngày: 21/03/1976

Địa chỉ: F18 cư xá Nguyễn Đình Chiểu, P4, Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế

Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc tiền lương năm 2019:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Quyền lợi Ban TGD (đ)	GHI CHÚ
1	Đỗ Văn Huân	TGD	696.000.000	
2	Hoàng Việt	PTGD	454.632.000	
3	Trần Thị Lý	KTT	316.488.000	
	CỘNG		1.467.120.000	

2 Số lượng lao động và các chính sách đối với người lao động:

Số lượng lao động (đến 31/12/2019):

Tổng số: 227 người, tăng 02 người so với năm 2018

Trong đó, chia ra:

Gián tiếp: 47 người, chiếm tỷ lệ 20.7%

Trực tiếp: 180 người, chiếm tỷ lệ 79.3%

Trong đó, chia ra:

- Trên đại học: 5 người, chiếm tỷ lệ 2 %
- Đại học và Cao đẳng: 30 người, chiếm tỷ lệ 14%
- Trung học chuyên nghiệp: 6 người, chiếm tỷ lệ 2 %
- Công nhân kỹ thuật & lao động phổ thông: 186 người, chiếm tỷ lệ 82 %

Các chính sách đối với người lao động:

➤ Chính sách tiền lương:

Áp dụng lương theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CB – CNV đúng và đầy đủ theo Quy chế lương trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

➤ Chính sách tiền thưởng:

Công ty thực hiện thưởng cho CB – CNV trên cơ sở lương chức danh công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

➤ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động như: chế độ trợ cấp cho CB- CNV có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức thăm hỏi động viên gia đình người lao động hoặc thân nhân người lao động bị ốm đau, bệnh tật, tử tuất...

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của luật Lao động.

3. Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội:

Bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội, công việc cho người lao động, công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên, khí hậu,... xung quanh công ty và trong khu vực. Bởi lẽ, môi trường là nơi để

mọi cá thể sinh sống, làm việc, việc tác động xấu đến môi trường sẽ gây ra nhiều rủi ro làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp buộc phải quan tâm tới khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ý thức được những vấn đề như trên, HTV có một số biện pháp bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, vừa là một phương pháp giữ vững hình ảnh của HTV trong mắt khách hàng nội địa và hướng tới những đối tác nước ngoài:

- Thanh lý những sà lan cũ, trọng tải thấp, thải nhiều khí thải độc hại ra môi trường sống xung quanh.
- Đóng mới sà lan, sử dụng động cơ mới 100% với các chỉ tiêu đáp ứng tốt yêu cầu về khí thải theo các tiêu chuẩn của cục đăng kiểm.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các sà lan công ty, kịp thời phát hiện, sửa chữa những sà lan có lỗi kỹ thuật, máy móc để đảm bảo các sà lan luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không làm ảnh hưởng tới môi trường sống xung quanh.

VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát:

Thành phần Hội đồng Quản trị gồm các thành viên:

- Ô. Lê Xuân Khôi, Chủ tịch HĐQT, Kể từ ngày 25/04/2019.
- Ô. Đỗ Văn Huân, thành viên HĐQT kiêm TGD (TGD kể từ ngày 04/01/2019).
- Ô. Bùi Nguyên Quỳnh, thành viên HĐQT, kể từ ngày 25/04/2019
- Ô. Hồ Sĩ An, thành viên HĐQT, kể từ ngày 25/04/2019.
- Ô. Nguyễn Văn Hưng, thành viên HĐQT, kể từ ngày 25/04/2019.

Ban Kiểm soát gồm:

- Ô. Trần Minh Huy Trưởng ban, Thành viên kể từ ngày 23/04/2018
- Ô. Phạm Thế Nghĩa, Thành viên
- B. Nguyễn Thị Huệ, Thành viên

Tóm tắt lý lịch Tổng giám đốc:

Ông Đỗ Văn Huân – Tổng Giám đốc từ ngày 04/01/2019:

Giới tính: Nam

Ngày, tháng năm sinh: 08/04/1981

Nơi sinh: Thái Bình

Số CMND: 151291700 cấp ngày 04/03/2014 tại Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã An Ninh, huyện Tiền Hải - tỉnh Thái bình

Địa chỉ thường trú: 1/2/28 đường D3- P. 25- Quận Bình Thạnh - TPHCM

Điện thoại liên lạc: 0904434757

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tổ chức quản lý vận tải

Quá trình công tác:

- Từ năm 2006 đến năm 2007: Trưởng phòng đại lý tàu biển Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC.

- Từ năm 2007 đến năm 2008: Trưởng phòng khai thác tàu biển Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC

- Từ năm 2008 đến năm 2009: Phó giám đốc công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC

- Từ năm 2009 đến năm 2010: Chuyên viên phòng đại lý tàu biển Công ty Cổ phần Gemadept.

- Từ năm 2010 đến năm 2011: Phó phòng khai thác tàu biển Vinalines Hồ Chí Minh.

- Từ năm 2011 đến năm 2012: Giám đốc vận tải bộ Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC

- Từ 20/04/2012–31/01/2013: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận Tải Hà Tiên.

- Từ 01/02-21/03/2013: Thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.

- Từ ngày 22/ 03/2013 đến 03/2016: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty, giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Hà Tiên

- Từ 03/2016 đến 23/04/2018: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

- Từ 23/04/2018 -30/09/2018: Thành viên Hội đồng quản trị, giữ chức Phó TGD Công ty CP Vận tải Hà Tiên.

- Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018: Thành viên Hội đồng quản trị, giữ chức vụ Quyền TGD Công ty CP Vận tải Hà Tiên.

Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY: Thành viên HĐQT giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Hà Tiên

Chức vụ hiện nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm: 07/03/2020

- Cá nhân sở hữu: 2.600 cp, chiếm tỷ lệ 0,0198% / VDL

2 Thủ lao của HĐQT, BKS Công ty trong năm 2019 được tổng hợp như sau:

Ô. Lê Xuân Khôi,

Chủ tịch HĐQT, 48.000.000 Đồng

Ô .Bùi Nguyên Quỳnh,	Ủy viên HĐQT, 32.000.000 Đồng
Ô. Đỗ Văn Huân,	Ủy Viên HĐQT, 48.000.000 Đồng
Ô. Hồ Sĩ An,	Ủy viên HĐQT, 32.000.000 Đồng
Ô. Nguyễn Văn Hưng,	Ủy viên HĐQT, 32.000.000 Đồng
Ô. Trần Minh Huy,	Trưởng BKS, 237.443.000 Đồng
B. Nguyễn Thị Huệ,	Ủy Viên BKS, 36.000.000 Đồng
Ô. Phạm Thế Nghĩa,	Ủy viên BKS, 36.000.000 Đồng
TỔNG CỘNG	501.443.000 đ

3 Cơ cấu vốn cổ đông:

Tình hình cơ cấu cổ đông của Công Ty được tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

TT	NHÓM CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU (CP)	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông nhà nước (Tổng Công ty Xi măng Việt nam đại diện)	6.562.361	50,08
2	Vốn góp của cá nhân khác	6.541.639	49,92
3	Cổ phiếu quỹ	0	0
	TỔNG CỘNG	13.104.000	100,00

Trên đây là một số nét chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.

Kính báo cáo.

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ VĂN HUÂN

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

<i>Mã số</i>	<i>TÀI SẢN</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	300.153.399.964	245.702.840.209
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	13.032.348.234	12.634.926.071
111	1. Tiền	13.032.348.234	8.634.926.071
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120.153.684.971	102.800.968.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	20.990.879.270	20.990.879.270
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(4.780.295.270)	(6.189.911.270)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	103.943.100.971	88.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	165.541.719.603	128.587.572.876
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	163.577.462.218	127.385.746.253
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	691.767.000	568.568.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	3.202.975.867	2.072.083.513
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.930.485.482)	(1.438.824.890)
140	IV. Hàng tồn kho	571.211.602	1.487.603.689
141	1. Hàng tồn kho	571.211.602	1.487.603.689
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	854.435.554	191.769.573
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	854.435.554	191.769.573
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	125.587.623.995	146.922.075.122
220	I. Tài sản cố định	112.587.623.995	133.922.075.122
221	1. Tài sản cố định hữu hình	112.587.623.995	133.922.075.122
222	Nguyên giá	261.714.626.876	261.151.918.264
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(149.127.002.881)	(127.229.843.142)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	13.000.000.000	13.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.000.000.000	13.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	425.741.023.959	392.624.915.331
	NGUỒN VỐN		
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	91.291.589.072	61.745.753.106
310	I. Nợ ngắn hạn	91.291.589.072	61.745.753.106
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	76.016.328.562	47.721.622.193
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.019.538.371	1.991.718.185
314	3. Phải trả người lao động	9.032.693.936	8.895.158.098
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	575.600.932	165.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	1.732.454.677	912.763.964
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.914.972.594	2.059.490.666
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	334.449.434.887	330.879.162.225
410	I. Vốn chủ sở hữu	334.449.434.887	330.879.162.225

411	1. Vốn cổ phần	131.040.000.000	131.040.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	131.040.000.000	131.040.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	53.070.783.332	53.070.783.332
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	114.060.604.975	
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	6.096.869.004	117.000.238.488
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	30.181.177.576	29.768.140.405
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	1.301.086.685	29.768.140.405
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm	28.880.090.891	0
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	425.741.023.959	392.624.915.331

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH:

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	271.910.968.529	220.570.205.826
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	225.369.944.913	175.116.382.669
Lợi nhuận gộp	46.541.023.616	45.453.823.157
Doanh thu hoạt động tài chính	8.830.292.962	7.621.273.704
Chi phí tài chính	(1.409.616.000)	2.060.208.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.238.058.628	16.895.899.653
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.542.873.950	34,118,989,208
Thu nhập khác	294.789.375	1.580.603.288
Chi phí khác	638.946.108	105.326.888
Lợi nhuận khác	(344.156.733)	1.475.276.400
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.198.717.217	35.594.265.608
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.318.626.326	7.098.754.617
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.880.090.891	28.495.510.991

3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:

<i>CHI TIÊU</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	36.198.717.217	35.594.265.608
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Khấu hao tài sản cố định	22.524.491.757	23.914.109.086
Dự phòng	(917.955.408)	2.561.153.503
Lãi từ hoạt động đầu tư	(8.946.674.936)	(7.621.273.704)
Chi phí lãi vay		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	48.858.578.630	54.448.254.493
Tăng các khoản phải thu	(37.079.608.522)	(33.680.729.928)
Tăng hàng tồn kho	916.392.087	(753.538.571)
Tăng các khoản phải trả	30.314.862.482	13.307.427.313
Tiền lãi vay đã trả		
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(7.343.894.914)	(6.969.918.672)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(5.798.336.301)	(5.582.650.094)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	29.867.993.462	20.768.844.541
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua tài sản cố định	(1.801.936.858)	(5.600.222.869)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	122.477.273	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(185.470.520.149)	(174.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	169.527.419.178	156.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Thu nhập từ bán các khoản đầu tư trong đơn vị khác		
Tiền lãi nhận được	7.807.984.982	7.711.273.704
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(9.814.575.574)	(15.888.949.165)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền vay ngắn hạn		
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn		
Cổ tức đã trả cho cổ đông	(19.655.995.725)	(15.722.558.760)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	(19.655.995.725)	(15.722.558.760)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	397.422.163	(10.842.663.384)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	12.634.926.071	23.477.589.455
Tiền và tương đương tiền cuối năm	13.032.348.234	12.634.926.071

C. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên (gọi tắt là Công ty)

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh:**

Dịch vụ và thương mại.

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

Kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước; kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.

4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không

II KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2019 là năm tài chính thứ 20 của Công ty.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:**

Ban Tổng Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. **Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

1. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công Ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203 / 2009 / TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH: SỐ NĂM

Nhà cửa, vật kiến trúc:	5-10 năm
Máy móc thiết bị:	6 năm
Phương tiện vận tải bộ:	6 năm
Phương tiện vận tải thủy:	10 năm
Thiết bị văn phòng:	3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí phải trả, trích trước, chi phí sửa chữa lớn:

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.
- Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa TSCĐ. Nếu chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh

lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu
- Tiền lãi và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được từ lợi ích kinh tế và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm, khi tỷ lệ cổ tức được công bố. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông có quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu, trích lập các quỹ:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế được các cổ đông đã đầu tư
- Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận phần chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và các quy định khác của Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trong trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CP VẠN TÀI HÀ TIÊN

296 Trần Nãi, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

16. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	162.407.747	127.211.805
Tiền gửi ngân hàng	12.869.940.487	8.507.714.266
Các khoản tương đương tiền (*)	0	4.000.000.000
TỔNG CỘNG	13.032.348.234	12.634.926.071

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân từ 5,5%/năm.

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN:

17.1. Chứng khoán kinh doanh:

<i>Đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc đầu tư	20.990.879.270	20.990.879.270
Giá trị hợp lý	16.210.584.000	14.800.968.000
Dự phòng giảm giá trị	(4.780.295.270)	(6.189.911.270)

17.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng

18. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	112.727.213.518	87.804.837.121
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	108.782.187.380	83.459.886.040
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	547.299.542	-
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	3.397.726.596	4.344.951.081
Phải thu các khách hàng khác	50.951.195.536	39.580.909.132
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Thuận	14.713.666.939	24.332.383.114
Các khách hàng khác	36.136.581.761	15.248.526.018
Cộng	163.577.462.218	127.385.746.253

19. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu	2.126.212.681	1.110.000.000
Tạm ứng	-	177.000.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	300.000.000	270.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	776.763.186	515.083.513
Cộng	<u>3.202.975.867</u>	<u>2.072.083.513</u>

20. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Đỗ Khôi Nguyên	400.000.000	200.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	223.977.000	223.977.000
Các nhà cung cấp khác	67.790.000	144.591.000
Cộng	<u>691.767.000</u>	<u>568.568.0</u>

21. NỢ XẤU

Công ty có các khoản nợ phải thu tiền bán hàng đã quá hạn và được lập dự phòng như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		3.013.287.990	1.082.802.508		1.449.654.890	10.830.000
Công ty TNHH MTV Cát Vạn Hưng	Trên 03 năm	979.302.000	-	Trên 03 năm	979.302.000	-
Công ty TNHH Cát Tường Hậu Giang	Trên 03 năm	459.522.890	-	Trên 03 năm	459.522.890	-
Công ty Cổ phần Bảo Việt Phát	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.000.000.000	700.000.000		-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 03 năm	10.830.000	-	Trên 03 năm	10.830.000	10.830.000
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	235.452.185	117.726.092		-	-
	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	328.180.915	265.076.416		-	-
Cộng		<u>3.013.287.990</u>	<u>1.082.802.508</u>		<u>1.449.654.890</u>	<u>10.830.000</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.438.824.890	937.879.387
Trích lập dự phòng bổ sung	491.660.592	500.945.503
Số cuối năm	<u>1.930.485.482</u>	<u>1.438.824.890</u>

22. HÀNG TỒN KHO

CÔNG TY CP VAN TÀI HÀ TIÊN
296 Trần Nỗ, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	412.606.500	1.481.093.484
Công cụ, dụng cụ	4.045.102	6.510.205
Hàng gửi đi bán	154.560.000	-
Cộng	<u>571.211.602</u>	<u>1.487.603.689</u>

23. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH:

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.203.932.585	255.672.878.477	3.275.107.202	261.151.918.264
Mua trong năm	-	-	1.202.692.727	1.202.692.727
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(627.332.018)	(627.332.018)
Giảm khác	-	(12.652.097)	-	(12.652.097)
Số cuối năm	<u>2.203.932.585</u>	<u>255.660.226.380</u>	<u>3.850.467.911</u>	<u>261.714.626.876</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.900.220.043	39.504.047.729	709.607.911	42.113.875.683
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.990.816.212	122.971.720.318	2.267.306.612	127.229.843.142
Khấu hao trong năm	60.890.388	22.022.166.664	441.434.705	22.524.491.757
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(627.332.018)	(627.332.018)
Số cuối năm	<u>2.051.706.600</u>	<u>144.993.886.982</u>	<u>2.081.409.299</u>	<u>149.127.002.881</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	213.116.373	132.701.158.159	1.007.800.590	133.922.075.122
Số cuối năm	<u>152.225.985</u>	<u>110.666.339.398</u>	<u>1.769.058.612</u>	<u>112.587.623.995</u>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

24. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>461.307.827</u>	<u>542.250.819</u>
Tổng công ty Xi măng Việt Nam	461.307.827	365.643.829

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	-	176.606.990
Phải trả các nhà cung cấp khác	75.555.020.735	47.179.371.374
DNTN Trung Tài	39.432.944.115	25.304.379.295
Công ty TNHH Vận tải Hân Tiến	7.018.744.915	2.577.837.416
Các nhà cung cấp khác	29.103.331.705	19.297.154.663
Cộng	<u>76.016.328.562</u>	<u>47.721.622.193</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	100.946.836	10.740.555.228	(10.841.502.064)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.843.894.914	7.318.626.326	(7.343.894.914)	1.818.626.326
Thuế thu nhập cá nhân	46.876.435	787.170.087	(633.134.477)	200.912.045
Tiền thuê đất	-	601.193.280	(601.193.280)	-
Thuế nhà đất	-	13.663.808	(13.663.808)	-
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	<u>1.991.718.185</u>	<u>19.464.208.729</u>	<u>(19.436.388.543)</u>	<u>2.019.538.371</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.198.717.217	35.594.265.608
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	<u>1.695.598.411</u>	<u>1.525.987.474</u>
Thu nhập chịu thuế	37.894.315.628	37.120.253.082
Thu nhập được miễn thuế	<u>(1.301.184.000)</u>	<u>(1.626.480.000)</u>
Thu nhập tính thuế	36.593.131.628	35.493.773.082
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>7.318.626.326</u>	<u>7.098.754.617</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối

với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

26. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê ngoài vận chuyển	490.600.932	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	85.000.000	165.000.000
Cộng	<u>575.600.932</u>	<u>165.000.000</u>

27. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	826.688	76.324.600
Bảo hiểm xã hội	-	325.509.642
Bảo hiểm y tế	-	54.963.605
Bảo hiểm thất nghiệp	-	24.895.241
Nhận ký quỹ ngắn hạn	546.000.000	306.000.000
Cổ tức phải trả	3.686.285	3.682.010
Phải trả về thu chi hộ	707.093.723	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	474.847.981	121.388.866
Cộng	<u>1.732.454.677</u>	<u>912.763.964</u>

28. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN:

Dự phòng nợ phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Tăng do trích lập	16.340.734.805	12.128.337.588
Số sử dụng	(16.340.734.805)	(12.128.337.588)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

29. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.962.566.025	3.509.972.152	(4.439.200.000)	1.033.338.177
Quỹ phúc lợi	96.924.641	1.884.596.077	(1.359.136.301)	622.384.417
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	259.250.000	-	259.250.000
Cộng	<u>2.059.490.666</u>	<u>5.653.818.229</u>	<u>(5.798.336.301)</u>	<u>1.914.972.594</u>

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	131.040.000.000	53.070.783.332	-	114.353.432.657	22.215.651.075	320.679.867.064
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	27.194.424.306	27.194.424.306
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	2.646.805.831	(5.218.221.661)	(2.571.415.830)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Tăng theo điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	1.301.086.685	1.301.086.685
Số dư cuối năm trước	131.040.000.000	53.070.783.332	-	117.000.238.488	29.768.140.405	330.879.162.225
Số dư đầu năm nay	131.040.000.000	53.070.783.332	-	117.000.238.488	29.768.140.405	330.879.162.225
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	28.880.090.891	28.880.090.891
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.157.235.491	(8.811.053.720)	(5.653.818.229)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(19.656.000.000)	(19.656.000.000)
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển trong năm nay	-	-	114.060.604.975	(114.060.604.975)	-	-
Số dư cuối năm nay	131.040.000.000	53.070.783.332	114.060.604.975	6.096.869.004	30.181.177.576	334.449.434.887

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Xi măng Việt Nam	65.623.610.000	65.623.610.000
Các cổ đông khác	65.416.390.000	65.416.390.000
Cộng	131.040.000.000	131.040.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.104.000	13.104.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.104.000	13.104.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.104.000	13.104.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.104.000	13.104.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Phân phối lợi nhuận

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN

296 Trần Nãi, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 35/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	19.656.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	3.157.235.491
• Trích quỹ khen thưởng	:	3.509.972.152
• Trích quỹ phúc lợi	:	1.884.596.077
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	:	259.250.000

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	853.193.280	921.193.280
Trên 01 năm đến 05 năm	-	250.497.200
Cộng	<u>853.193.280</u>	<u>1.171.690.480</u>

b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 69.838,07 USD (số đầu năm là 0 USD).

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	11.976.624.688	459.665.380
Doanh thu dịch vụ vận tải đường thủy	246.268.490.433	216.449.843.311
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	6.236.670.173	850.872.885
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	4.512.327.781	1.259.915.158
Doanh thu cho thuê kho	2.400.000.000	1.450.909.092
Doanh thu khác	516.855.454	99.000.000
Cộng	<u>271.910.968.529</u>	<u>220.570.205.826</u>

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1		
Cung cấp dịch vụ vận tải	130.174.075.783	117.113.198.396
Cung cấp vật liệu xây dựng	11.976.624.688	459.665.380
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ vận tải	11.204.968.820	15.702.622.020
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long		
Cung cấp dịch vụ vận tải	497.545.038	-

b. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.184.711.317	440.400.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	214.185.233.596	174.675.982.669
Cộng	<u>225.369.944.913</u>	<u>175.116.382.669</u>
c. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.523.013.663	5.994.793.704
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.301.184.000	1.626.480.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.095.299	-
Cộng	<u>8.830.292.962</u>	<u>7.621.273.704</u>
d. Chi phí tài chính (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.		
e. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.689.183.861	8.515.940.595
Chi phí vật liệu quản lý	415.136.001	234.642.528
Chi phí đồ dùng văn phòng	414.960.275	233.250.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	502.325.093	397.161.282
Thuế, phí và lệ phí	2.120.775.004	1.836.895.583
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	491.660.592	500.945.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.588.170.089	946.417.770
Chi phí tiếp khách	2.410.940.084	1.524.070.916
Các chi phí khác	2.604.907.629	2.706.575.427
Cộng	<u>20.238.058.628</u>	<u>16.895.899.653</u>
f. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	122.477.273	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	134.202.647	428.167.840
Tiền bồi thường	-	232.570.587
Thu hoàn trả Quỹ hỗ trợ huyện nghèo	-	543.031.842
Thu nhập khác	38.109.455	376.833.019
Cộng	<u>294.789.375</u>	<u>1.580.603.288</u>
g. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	555.931.152	46.072.920
Chi phí khác	83.014.956	59.253.968
Cộng	<u>638.946.108</u>	<u>105.326.888</u>
h. Lãi trên cổ phiếu		

CÔNG TY CP VẠN TÀI HÀ TIÊN

296 Trần Nãi, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

i. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.060.645.736	24.331.888.340
Chi phí nhân công	45.939.137.590	41.997.390.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.524.491.757	23.914.109.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.406.645.959	95.200.407.002
Chi phí khác	8.677.082.499	6.568.487.429
Cộng	<u>245.608.003.541</u>	<u>192.263.107.862</u>

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty có cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty có vốn góp của Công ty mẹ
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Công ty có cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty có cùng Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con. Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Tổng công ty Xi măng Việt Nam như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty Xi măng Việt Nam		
Phí tư vấn	1.362.078.930	1.097.803.687
Cổ tức	9.843.541.500	7.874.833.200

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.9.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

b. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được điều chỉnh theo kết quả của Biên bản Kiểm toán Nhà nước. Chi tiết như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	126.275.331.062	1.110.415.191	127.385.746.253	(i)
Hàng tồn kho	141	1.093.123.689	394.480.000	1.487.603.689	(ii)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	47.896.347.116	(174.724.923)	47.721.622.193	(iii)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.291.048.756	700.669.429	1.991.718.185	(iv)
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.234.899.964	(322.136.000)	912.763.964	(v)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	28.467.053.720	1.301.086.685	29.768.140.405	(vi)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	219.560.737.471	1.009.468.355	220.570.205.826	
	11	175.367.208.209	(250.825.540)	175.116.382.669	
Giá vốn hàng bán					
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	44.193.529.262	1.260.293.895	45.453.823.157	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	32.858.695.313	1.260.293.895	34.118.989.208	
Thu nhập khác	31	940.087.905	640.515.383	1.580.603.288	
Lợi nhuận khác	40	834.761.017	640.515.383	1.475.276.400	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	33.693.456.330	1.900.809.278	35.594.265.608	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.499.032.024	599.722.593	7.098.754.617	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	27.194.424.306	1.301.086.685	28.495.510.991	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	33.693.456.330	1.900.809.278	35.594.265.608	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước khi thay đổi vốn lưu động	08	52.547.445.215	1.900.809.278	52.547.445.215	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(32.570.314.737)	(1.110.415.191)	(33.680.729.928)	
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(359.058.571)	(394.480.000)	(753.538.571)	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	13.703.341.400	(395.914.087)	13.307.427.313	

CÔNG TY CP VẠN TÀI HÀ TIÊN

296 Trần Nãi, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

- (i) Điều chỉnh khoản phải thu của các khoản doanh thu đã nghiệm thu hoàn thành trong năm 2018: 1.110.415.191 VND.
- (ii) Điều chỉnh giảm hàng tồn kho: 394.480.000 VND.
- (iii) Tăng giá vốn tương ứng với tăng doanh thu năm 2018: 143.654.460 VND.
Giảm khoản công nợ không phải trả: 318.379.383 VND.
- (iv) Điều chỉnh tăng thuế GTGT phải nộp tương ứng với doanh thu: 110.946.836 VND.
Điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp 599.722.593 VND do doanh thu chi phí thay đổi: 380.161.856 VND và do tăng chi phí loại trừ khi tính thuế TNDN: 219.560.737 VND.
- (v) Tăng thu nhập khác từ khoản bồi thường hao hụt của khách hàng: 322.136.000 VND.
- (vi) Do kết quả kiểm toán thay đổi.

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM:

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên báo cáo tài chính.

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ VĂN HUÂN